

Số: 53a /QĐ- TMNNL

Nghĩa Sơn , ngày 25 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công khai các điều kiện giáo dục cuối năm
Năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA LẠC

Căn cứ thông tư số 52/2020/TT- BGDDT ngày 31 tháng 12 năm 2020 Ban hành điều lệ trường mầm non;

Căn cứ thông tư số 09/ 2024 ngày 3 tháng 6 năm 2024 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Căn cứ vào công văn chỉ đạo của ủy ban nhân dân xã Nghĩa Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông báo công khai các điều kiện giáo dục theo Thông tư 09/2024/TT-BGDDT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Điều 2. Hình thức và thời điểm công khai.

Niên yết Công khai tại nhà trường 3 địa điểm: Văn phòng nhà trường; Bản tin của nhà trường và trên Websie <https://mnngbialac.ninhbinh.edu.vn/>, các hội nghị cán bộ giáo viên nhân viên, phụ huynh học sinh.

Thời gian công khai từ ngày 25/05 /2026 đến hết ngày 25/06/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng trường, các tổ trưởng chuyên môn, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của trường Mầm non Nghĩa Lạc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhâm

Nghĩa Sơn, ngày 25 tháng 5 năm 2026

NỘI DUNG VÀ BIỂU MẪU CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Mầm non Nghĩa Lạc công khai hoạt động của nhà trường

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Nghĩa Lạc
- Địa chỉ trụ sở:** Xóm Đồng Lực, xã Nghĩa Sơn, tỉnh Ninh Bình
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu:** Cơ sở giáo dục công lập – UBND xã Nghĩa Sơn
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:**

* Sứ mệnh:

Sứ mệnh của Mầm non Nghĩa Lạc là xây dựng môi trường học tập, rèn luyện “Hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm”. Trẻ em được: “Học tập sáng tạo- Rèn luyện chăm ngoan - Vui chơi lành mạnh”. Phát triển theo phương châm “Học bằng chơi, chơi mà học” để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh, lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những người công dân tốt.

* Tầm nhìn

Trường Mầm non Nghĩa Lạc xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; là nơi cha mẹ trẻ luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến. Xây dựng hệ thống trường lớp đạt chuẩn Quốc gia mức độ I bền vững về chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất cũng như kỹ năng sống của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên và xã hội xung quanh mình, từ đó kích thích sự tò mò, ham thích khám phá, mong muốn tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ, điều này giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy sáng tạo, phát triển về kiến thức, nhân cách một cách toàn diện.

*** Mục tiêu**

- Trẻ phát huy tính tự lập và tự học;
- Trẻ tự tin thể hiện cá tính và năng lực của bản thân;
- Trẻ hình thành tính tự kỉ luật cho bản thân;
- Trẻ biết cách tôn trọng bản thân, môi trường và những người xung quanh;
- Trẻ phát triển khả năng làm việc nhóm, biết cách hợp tác, chia sẻ cùng hướng tới thành công.;
- Trẻ học được cách nuôi dưỡng các mối quan hệ và thúc đẩy tình yêu thương, sự tin tưởng lẫn nhau.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non xã Nghĩa Lạc được xây dựng thành một khu tập trung và đưa vào sử dụng từ năm 2007. Trường được xây dựng quy mô theo chuẩn Quốc gia mức độ I, đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hệ thống tường bao, cổng trường đảm bảo an toàn, chắc chắn. Sân chơi, vườn trường rộng rãi, thoáng mát, có nhiều cây xanh và cây bóng mát được quy hoạch, xây dựng theo các tiêu chí trường mầm non “Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn”; “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ I; KĐCL mức độ II; chuẩn Xanh-sạch-đẹp-an toàn tháng 2/2022.

Nhà trường không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đáp ứng các tiêu chí về chất lượng giáo dục toàn diện và không ngừng đổi mới phương pháp giáo dục để phát huy khả năng tư duy sáng tạo của trẻ. Luôn giữ vững, trường đạt danh hiệu lao động tiên tiến ; được tặng giấy khen của Giám đốc SGDDT tỉnh Nam Định.

6. Thông tin người đại diện

Họ và tên: Nguyễn Thị Nhâm

Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Nghĩa Lạc

Số điện thoại: 0852827521

Địa chỉ gmail: nguyenham57mn@gmail.com

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của Trường Mầm non Nghĩa Lạc đầu năm 2026

a. Các khoản thu

- Ngân sách nhà nước nguồn thu thường xuyên: 5.712.938.000đ
- Ngân sách nhà nước nguồn thu không thường xuyên: 292.890.000đ

b.Các khoản chi thường xuyên

- Tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của CBGVNV tính đến tháng 5/ 2026(32 người); 2.063.555.300đ
- Chi các hoạt động thường xuyên tính đến tháng 5/2026: 336.780.100đ

2.Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Kinh phí cấp bù học kỳ 2 năm học 2025-2026: 0

Hỗ trợ tiền ăn trưa học kỳ 2 năm học 2025-2026: 800.000đ

Hỗ trợ tiền học phí học kỳ 2 năm học 2025-2026:0

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29			18	11	0	0	0	27	1
I	Cán bộ quản lý	1			1					1	0
1	Hiệu trưởng	1			1						0
2	Phó hiệu trưởng	0			0					0	0
II	Giáo viên	27			16	11			0	26	0
1	Nhà trẻ	6			3	3			0	6	0
2	Mẫu giáo	21			13	8				20	1
III	Nhân viên										
	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	1			1						0
1	Văn thư									0	0
2	Kế toán	1			1	0				0	0
3	Thủ quỹ	0			0					0	0

4	Thư viện				0					0	0
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		10									
1	Y tế										
2	Nhân viên Bảo vệ	1									
3	Nhân viên Phục vụ	2									
4	Nhân viên Nấu ăn	7					6				

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	28	21			
I	Cán bộ quản lý	1	1			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	0	0			
II	Giáo viên	27	24	3		
1	Nhà trẻ	6	5	1		
2	Mẫu giáo	21	19	2		
Tổng cộng		28	25	3		
Tỷ lệ %			89.3%	10.7%		

c) Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV hoàn thành BDTX hàng năm

STT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	28	28	
I	Cán bộ quản lý	1	1	
1	Hiệu trưởng	1	1	
2	Phó hiệu trưởng	0	0	
II	Giáo viên	27	27	
1	Nhà trẻ	6	6	
2	Mẫu giáo	21	21	
Tổng cộng		28	28	
Tỷ lệ %		100	100	

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích xây dựng trường 4.964m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 trẻ em 11,2m²/trẻ

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ của trường	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (theo 2a Điều 5, chương II Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
11,2m ² /trẻ	12m ² /trẻ	Không đạt

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	20 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	12-15m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	120 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	10-12m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
3	Văn phòng trường	70 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	30m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
4	Phòng cho nhân viên			
5	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	100m ²	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	Đạt
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	50m ² /Phòng		
	Khu sinh hoạt chung			

	Khu ngủ			
	Diện tích hiên chơi (m ²)	0,62m ² /trẻ em	0,50m ²	Đạt
	Kho nhóm, lớp	4m ²	4m ²	Đạt
2	Sân chơi riêng	840m ² =1,9m ² /trẻ	1m ² /trẻ nhà trẻ 2m ² /trẻ MG	Đạt
III	Khối phòng tổ chức ăn			
1	Nhà bếp	90m ² =0,2m ² /trẻ	0,3m ² /trẻ	Không Đạt
	Kho thực phẩm	10m ²	10-12m ² /kho	Đạt
IV	Khối phụ trợ			

3. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

3.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			18-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em						
1	Số trẻ em nhóm ghép						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	441	0	90	98	112	141
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	441	0	90	98	112	141
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	441	0	90	98	112	141
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	441	0	90	98	112	141
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	441	0	90	98	112	141
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em						
1	Số trẻ cân nặng bình thường	439	0	90	98	112	139
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm nhẹ cân	2	0	0	0	0	2
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	440	0	90	98	112	140

4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1	0	0	0	0	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì						
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	441	0	90	98	112	141
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	90	0	90			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	351			98	112	141

Nơi nhận:
BGH (để triển khai);
Các tổ CM (để thực hiện);
Lưu: CM, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhâm

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai đối với trường mầm non Nghĩa Lạc cuối năm
năm học 2025-2026

Vào hồi 7 giờ 45 phút ngày 25 tháng 05 năm 2026, tại Trường Mầm non Nghĩa Lạc tiến hành niêm yết các biểu về công khai đối với Trường mầm non Nghĩa Lạc năm học 2025-2026.

1. Thành phần gồm có:

- Đại diện BGH, Giáo viên:
- + Bà: Nguyễn Thị Nhâm - Hiệu trưởng - Chủ tọa
- + Bà: Nguyễn Thị Hương – Thư ký
- Giáo viên:
- + Bà Lê thị Thanh Vân - TTCM khối 5 tuổi
- + Trần Thị Thảo My - TTCM khối 4 tuổi
- + Vũ Thị Hiên - TTCM khối 3 tuổi
- + Vũ Thị Quỳnh - TTCM khối Nhà Trẻ.
- Đại diện CMHS:
- + Bà: Trần Thị Thủy.- Ban đại diện cha mẹ học sinh
- + Bà: Võ Thị Tuyết - Ban đại diện cha mẹ học sinh

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỜNG
MẦM NON NGHĨA LẠC NĂM HỌC 2025-2026

1. Thông tin chung nhà trường.

Tên trường, địa chỉ, loại hình,

Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu, quá trình hình thành và phát triển.

Thông tin người đại diện pháp luật, tổ chức, bộ máy,

Các văn bản khác: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục, quy chế dân chủ cơ sở, các nghị quyết của hội đồng trường, quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ, giáo viên. Quy chế nội bộ khác (quy chế làm việc, quy chế thi đua, khen thưởng, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản. ...)

2. Thu, chi tài chính

- Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

+ Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo;

khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

+ Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ...); chi hỗ trợ người học (trợ cấp, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng....); chi khác.

- Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: Tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của nhà trường trước khi tuyên sinh.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp đối với trẻ.

- Số dư các quỹ theo quy định.

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

3. Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục mầm non

- Thông tin về đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQLGVNV):

+ Số lượng CBQL, GV, NV theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

+ Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp.

+ Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV, NV hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Thông tin về cơ sở vật chất:

+ Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

+ Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

+ Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

+ Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

- Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

+ Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

+ Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

4. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

- Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học:
- + Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;
- + Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;
- + Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội;
- + Thực đơn hằng ngày của trẻ em;
- + Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).
- Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của năm học trước: Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp; Số trẻ học 02 buổi/ngày; Số trẻ được tổ chức ăn bán trú; Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ; Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi; Số trẻ em khuyết tật.

III. HÌNH THỨC:

- Công khai qua Hội nghị CCVC NLD, qua các cuộc họp của nhà trường, họp Ban đại diện cha mẹ học sinh, họp CMHS toàn trường, văn bản niêm yết tại phòng Hội đồng, báo cáo với cấp trên, phát tài liệu.
- Đăng trên Website: <https://mnngbialac.ninhbinh.edu.vn/> của nhà trường

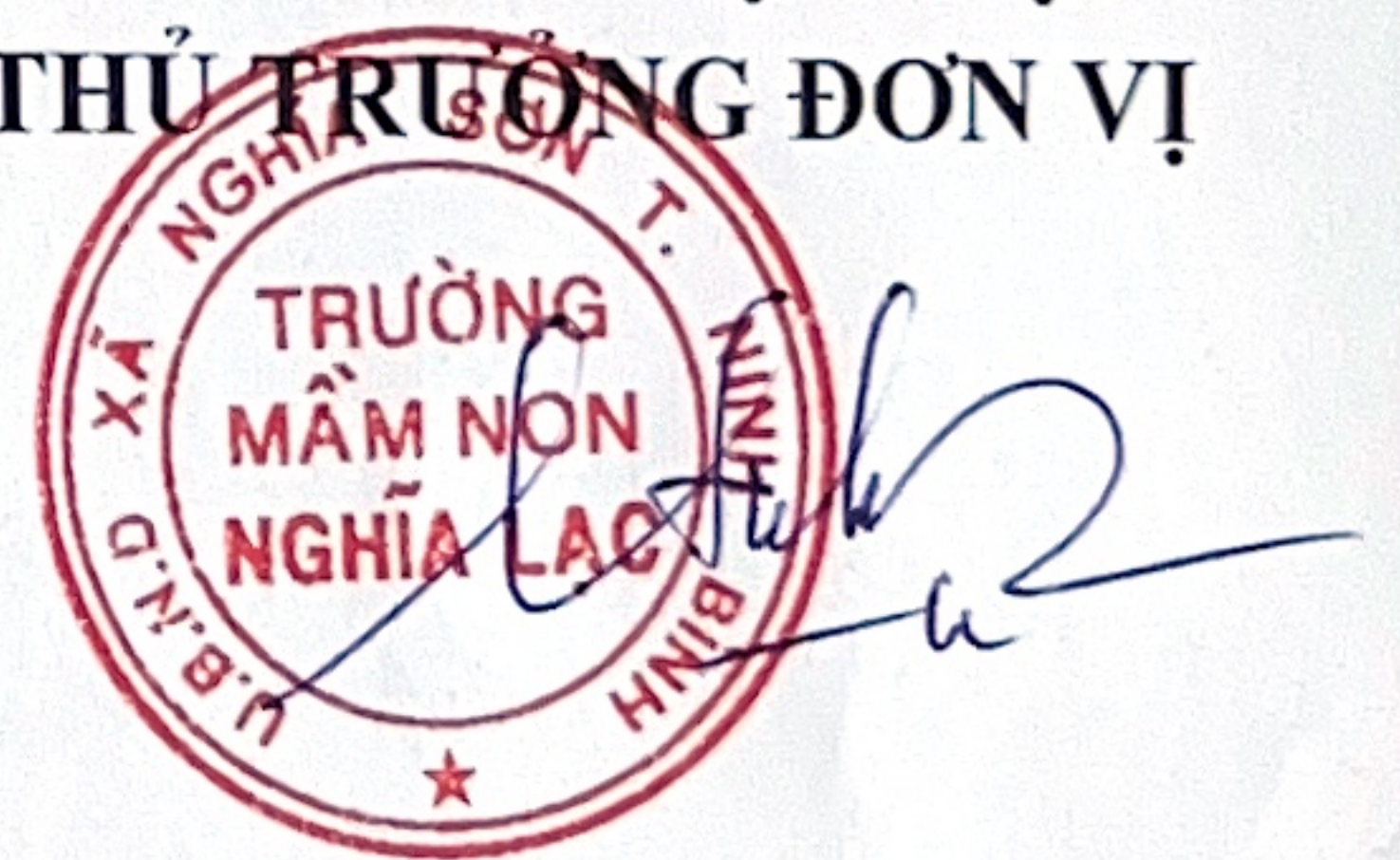
IV. THỜI GIAN NIÊM YẾT

- Trên Website: Kể từ ngày 25/05/2026
 - Từ ngày 25/05/2026 Đến ngày 25/06/2026
- Biên bản kết thúc vào hồi 9 giờ ngày 25 tháng 05 năm 2026.

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Hương

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



ĐẠI DIỆN GV CÁC LỚP

Quỳnh
Vũ Thị Quỳnh
Hiền
Vũ Thị Hiền
Thuy
Trần Thị Thảo My
Vân
Lê Thị Thanh Vân

ĐẠI DIỆN PHHS

Trần Thị Thủy
Thủy
Vũ Thị Tuyết